

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Ngày 31/12/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	-7.4%	-3.8%

DT thuần Q4/25
74.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.4 -24.7%
YoY: ▲ 8.30 12.6%

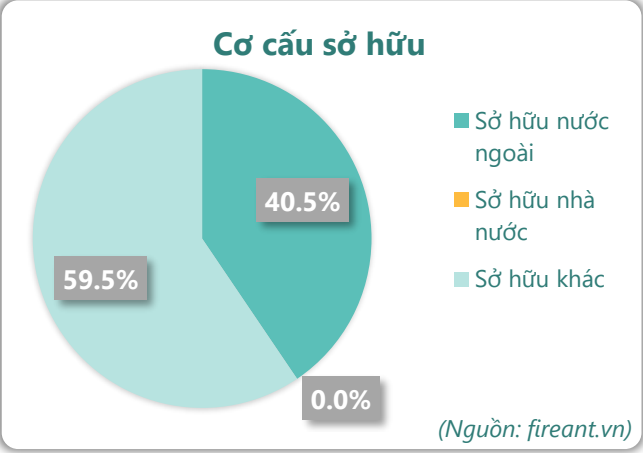
LN thuần Q4/25
-9.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.7 -197%
YoY: ▲ 2.86 23.7%

LN sau thuế Q4/25
-8.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.3 -221%
YoY: ▲ 1.68 15.8%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
14.0%
YoY: +/-▲ 3.1%

ROE 2025
5.4%
YoY: +/-▲ 1.5%

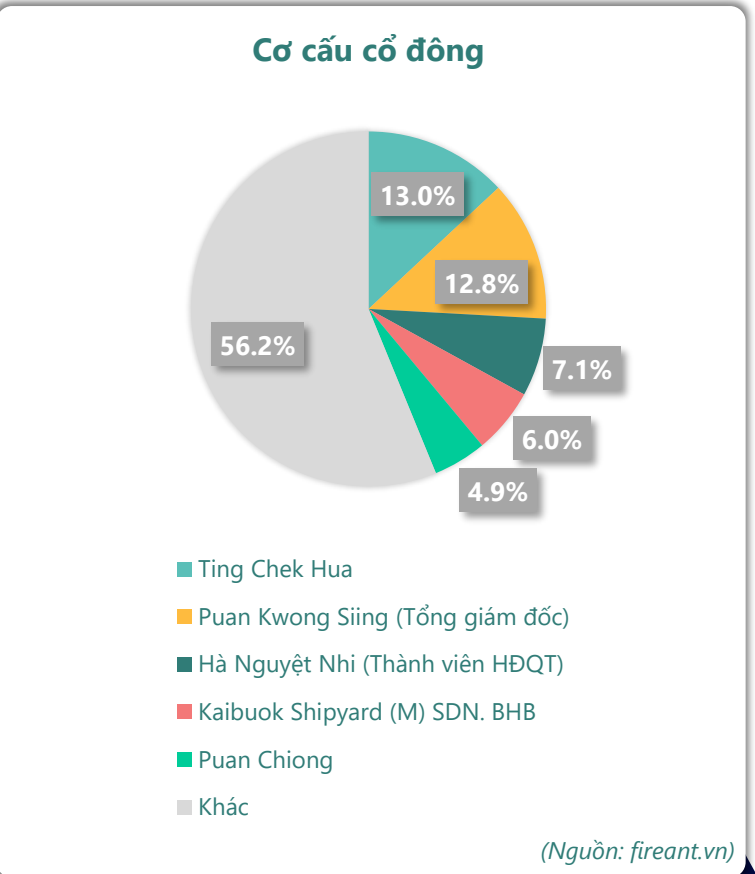
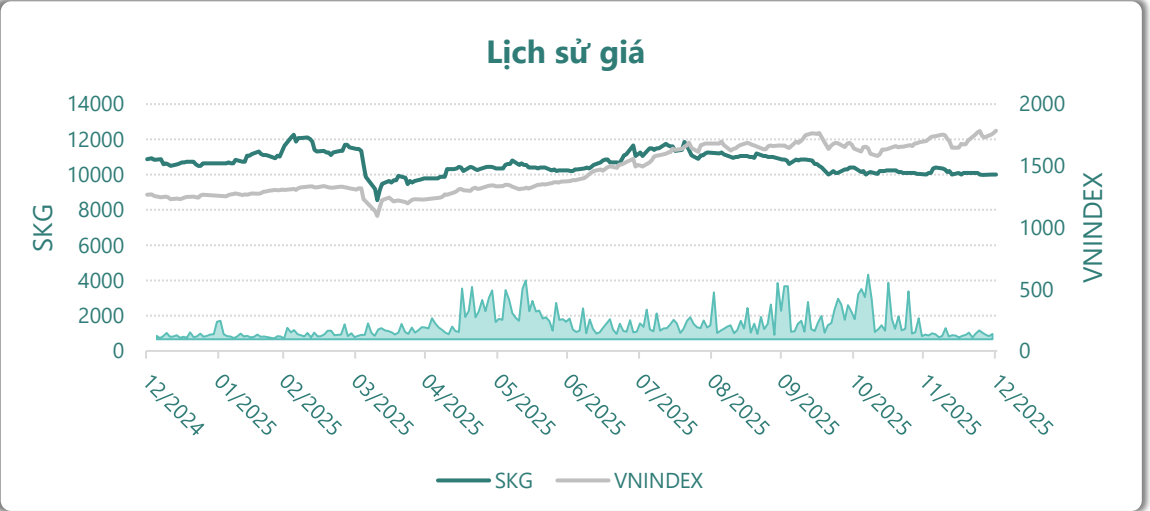
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,551 - 12,263
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	665
Số lượng CPLH (CP)	66,497,697
KLGD BQ 20 phiên (CP)	82,690
Sở hữu nước ngoài	40.5%
Beta	0.50
EPS	721
P/E	13.9



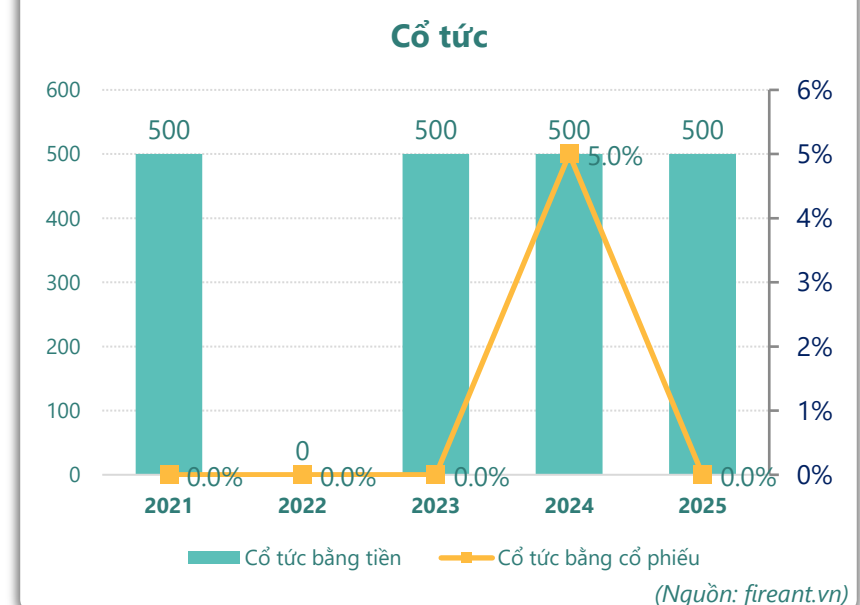
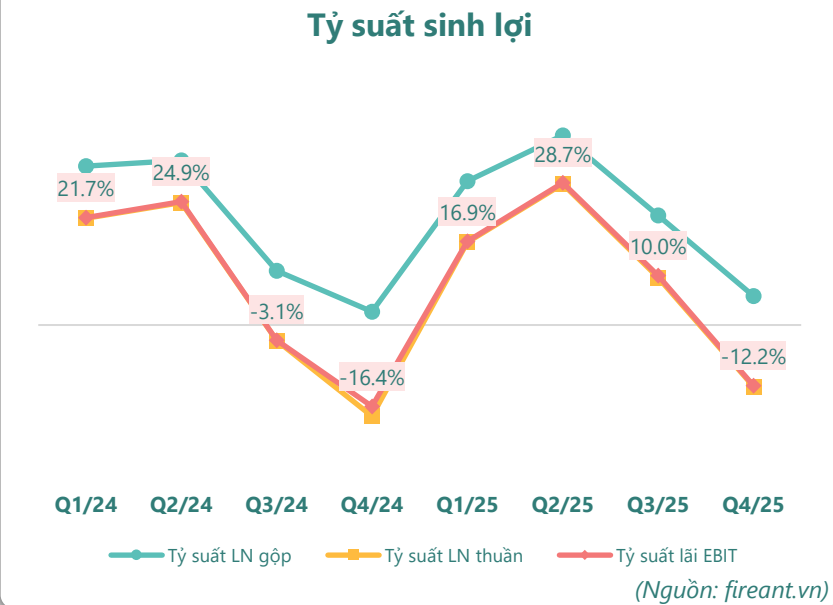
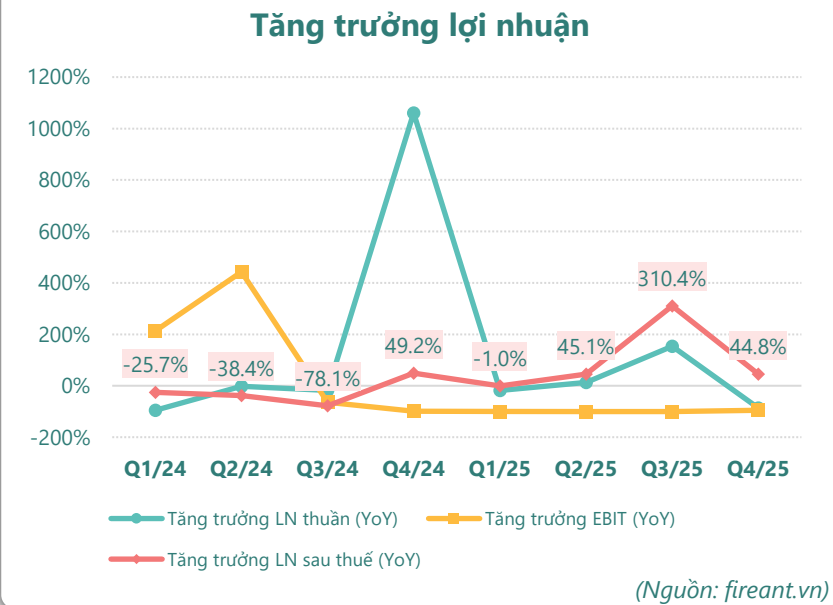
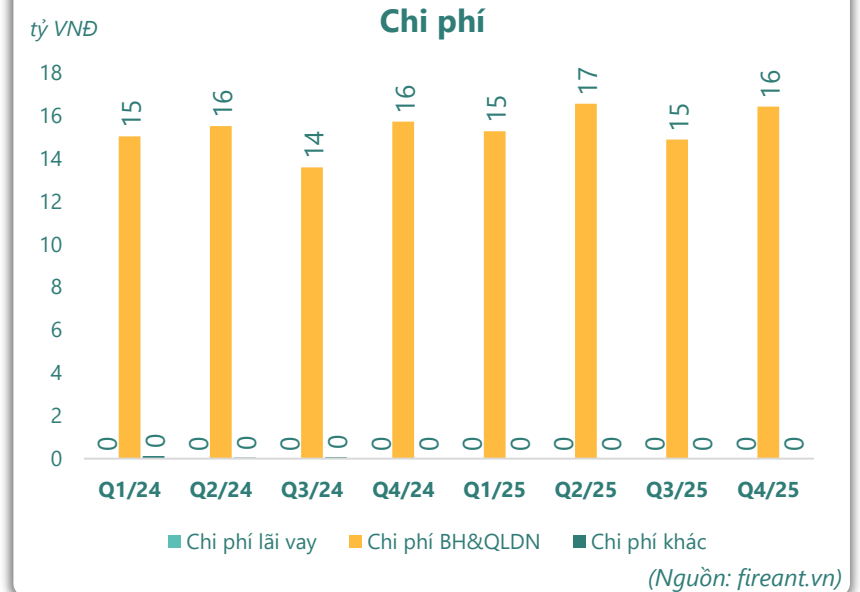
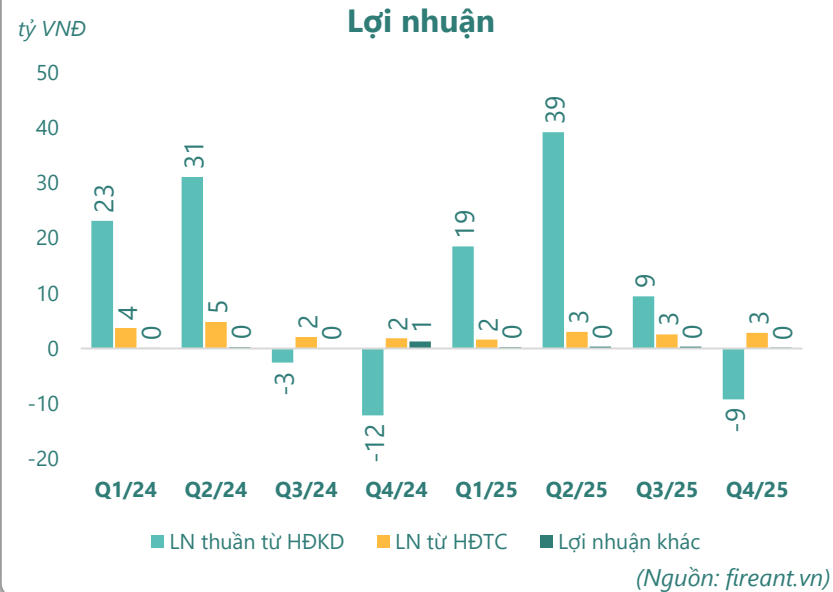
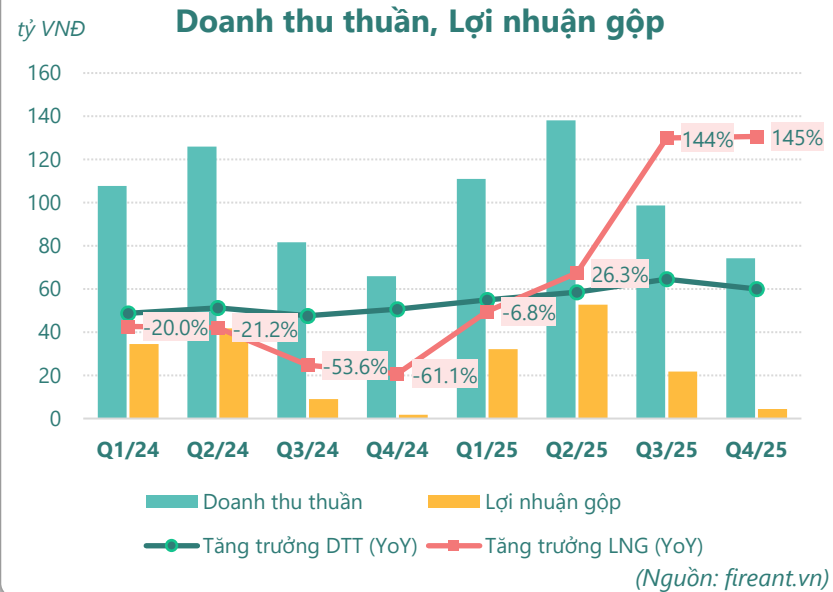
DT thuần 2025
422
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.0 10.7%

LN thuần 2025
58.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.4 46.4%

LN sau thuế 2025
47.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.9 41.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

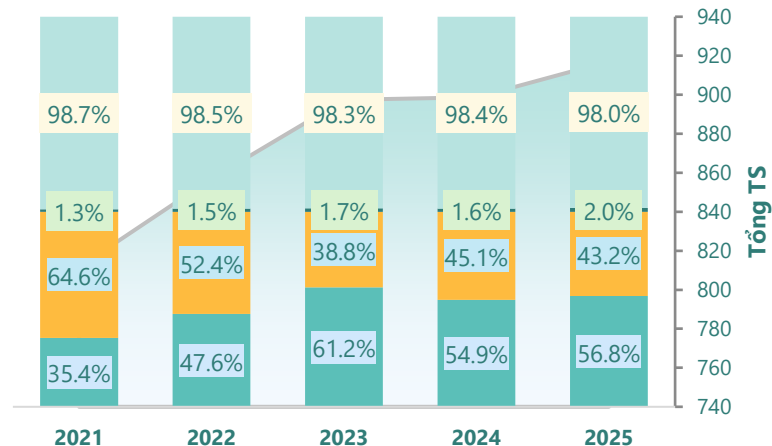




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

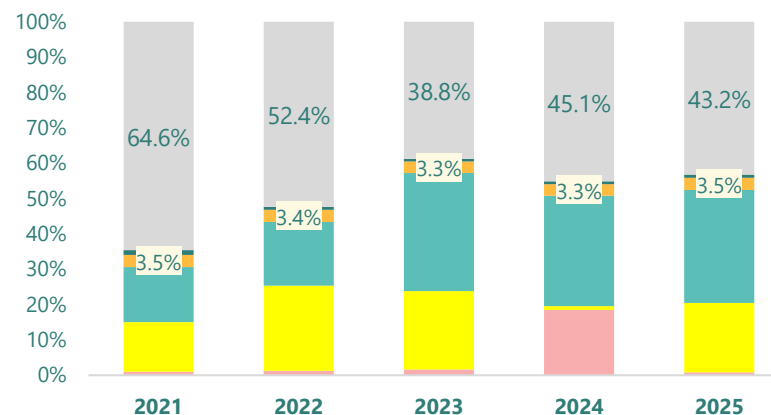
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

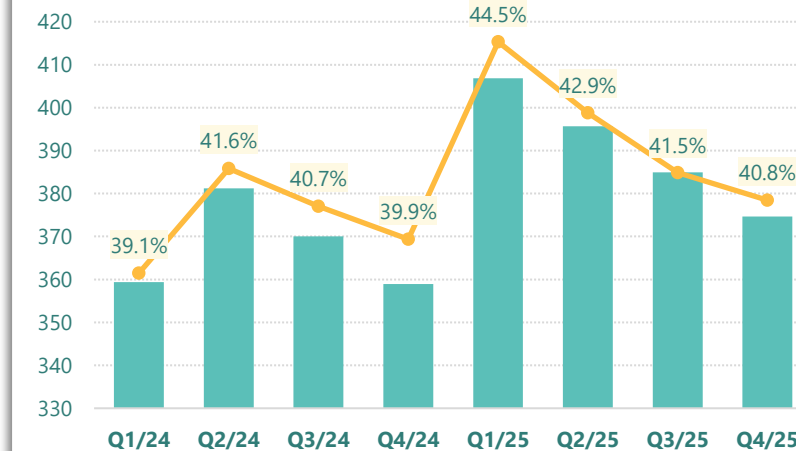


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

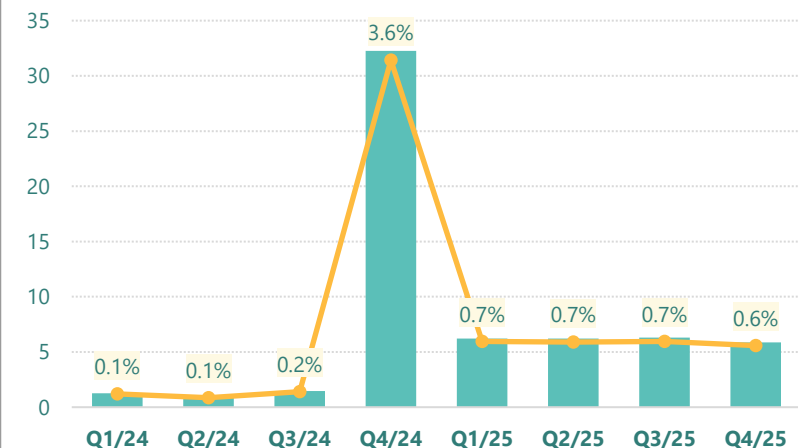


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

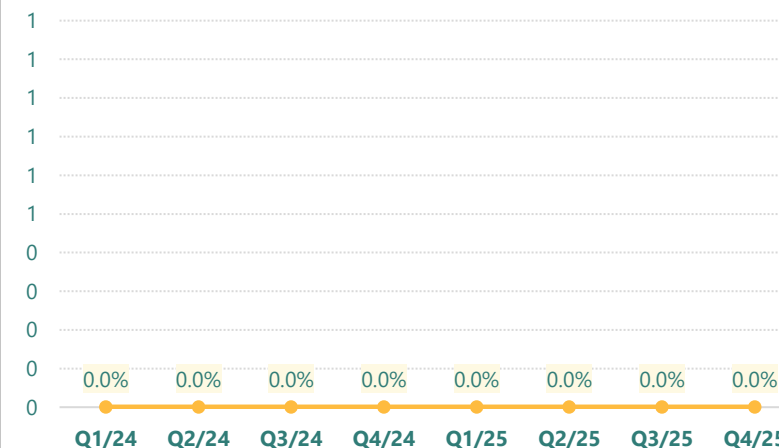


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

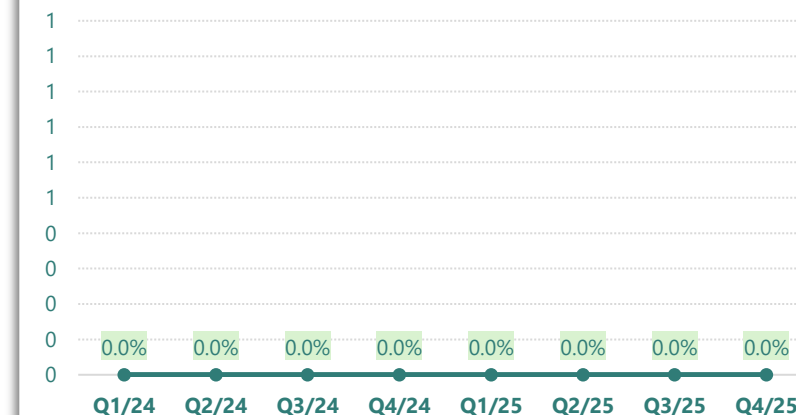


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

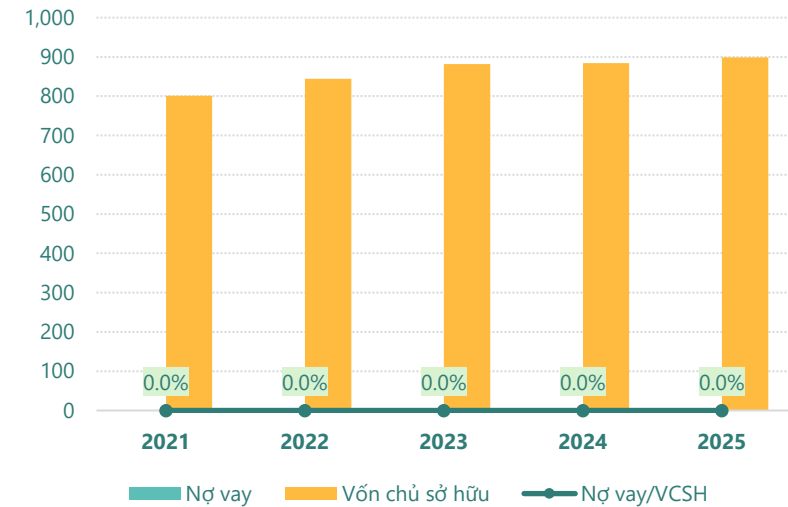
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

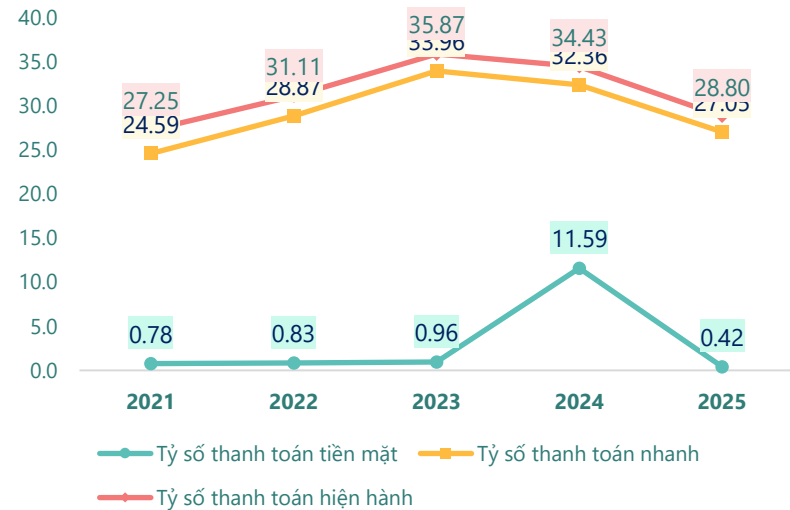
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



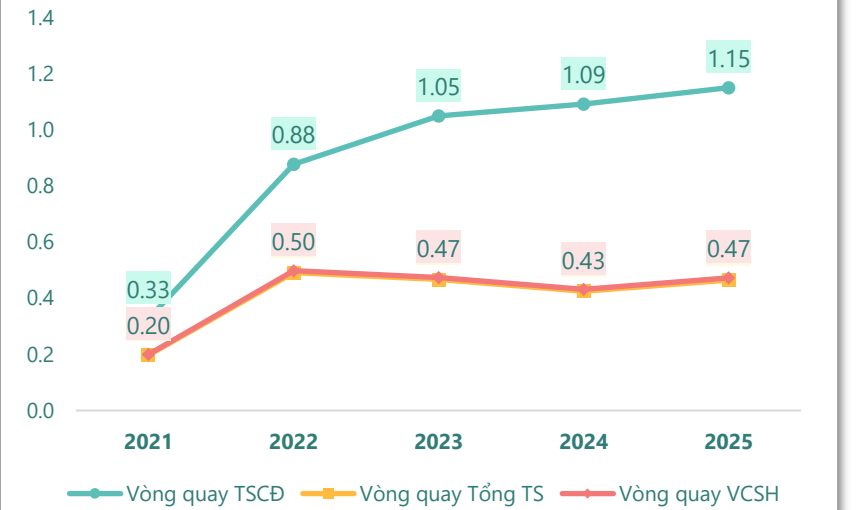
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



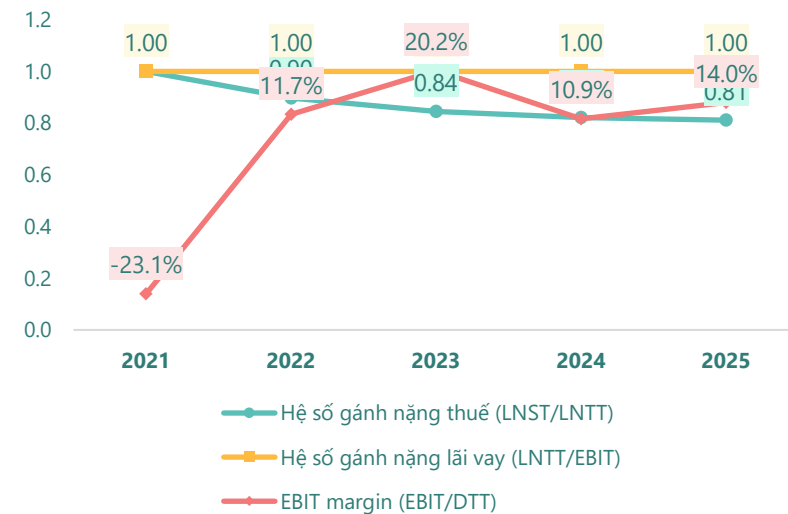
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



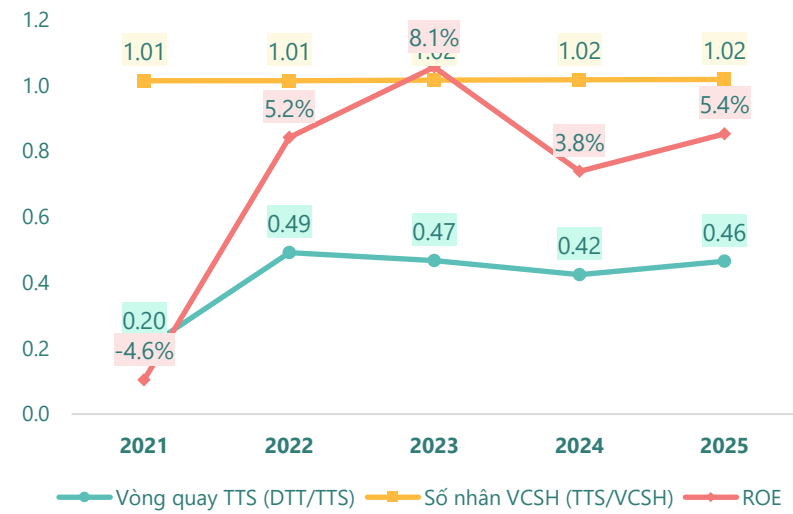
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



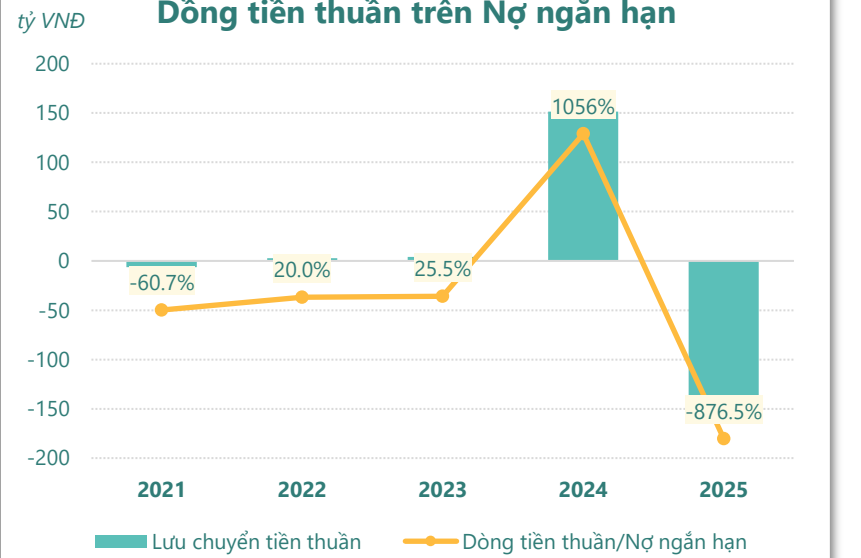
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	74.3	66.0	12.6%	422	381	10.7%
Giá vốn hàng bán	69.9	64.2	8.9%	311	294	5.7%
Lợi nhuận gộp	4.36	1.78	145%	111	87.1	27.6%
Doanh thu HĐTC	2.84	1.83	55.3%	10.2	12.5	-18.0%
Chi phí TC	0	0.00		0.19	0.02	874%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	11.1	10.9	1.5%	46.3	44.0	5.1%
Chi phí QLDN	5.37	4.87	10.3%	16.9	15.9	6.4%
LN thuần từ HĐKD	-9.24	-12.1	23.7%	58.0	39.6	46.4%
Lợi nhuận khác	0.17	1.30	-87.0%	1.07	1.76	-38.9%
LN trước thuế	-9.07	-10.8	16.0%	59.1	41.4	42.8%
Lợi nhuận sau thuế	-8.92	-10.6	15.8%	47.9	34.0	41.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-8.92	-10.6	15.8%	47.9	34.0	41.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.84	-0.40	20.3	38.6	14.9	-1.90
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	115	7.58	-82.7	-93.7	-23.7	2.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-33.2	0	0
Tiền đầu kỳ	42.0	159	166	104	15.3	6.54
Lưu chuyển tiền thuần	117	7.18	-62.3	-88.3	-8.79	1.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	159	166	104	15.3	6.54	7.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	917	899	2.0%
Tài sản ngắn hạn	521	493	5.5%
Tiền và tương đương tiền	7.54	166	-95.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180	10.0	1700%
Phải thu ngắn hạn	293	280	4.5%
Hàng tồn kho	31.7	29.7	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	8.54	7.31	16.8%
Tài sản dài hạn	396	405	-2.2%
Phải thu dài hạn	0.91	0.81	12.4%
Tài sản cố định	375	359	4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.86	32.3	-81.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	15.1	13.4	12.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	18.1	14.4	26.1%
Nợ ngắn hạn	18.1	14.3	26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.43	1.59	-10.1%
Nợ dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	899	884	1.7%
Vốn chủ sở hữu	899	884	1.7%
Vốn điều lệ	665	665	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

